| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TP HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Nguyễn Thị Mai**

2. Ông **Nguyễn Văn Chiến**

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hải**- Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:*** Ông **Lưu Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982; có mặt.
Địa chỉ: Thôn B, xã PX, huyện TT, TP Hà Nội.
2. *Bị đơn*: Anh Cấn Tất T, sinh năm 1981; vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn B, xã PX, huyện TT, TP Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2023 cùng bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 13/3/2023 và ngày 16/3/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:***

Chị và anh Cấn Tất T có thời gian tìm hiểu khoảng 1 năm, có đăng ký kết hôn ngày 11/7/2006 tại UBND xã PX, huyện TT, TP Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng 5 năm sau thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do anh T nghiện ma túy, chị đã khuyên bảo nhiều nhưng anh T không nghe, dẫn đến vợ chồng bất đồng đánh chửi nhau. Đến năm 2011 chị về nhà mẹ đẻ. Anh T có gọi chị về

nhưng chị không về vì chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa. Nay chị xin được ly hôn anh T để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Cấn Thị Khánh V, sinh ngày 03/5/2007 và Cấn Tất T1, sinh ngày 11/01/2009. Ly hôn chị xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện chị đang làm việc ở Công ty URC HN, thu nhập mỗi tháng 12 đến 15 triệu đồng. Còn anh T làm thợ xây tại địa phương, thu nhập chị không rõ.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Cấn Tất T đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Ngày 09/3/2023 tòa án phối hợp với chính quyền địa phương xã PX lập biên bản về việc không ghi được lời khai của anh T.

Tại phiên tòa chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về tố tụng:**

Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Bị đơn anh Cấn Tất T cư trú trên địa bàn huyện TT, thành phố Hà Nội. Do vậy Toà án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Cấn Tất T (là bị đơn, không có yêu cầu phản tố), không có mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Cấn Tất T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PX vào ngày 11/7/2006. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Quá xác minh tại gia đình và địa phương nơi hai bên sinh sống cho thấy nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chị Th và anh T mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách, lối sống. Do không nhẫn nhịn được nên dẫn đến mâu thuẫn, chị Th và anh T đã ly thân hơn 10 năm nay. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để hai bên tìm phương pháp giải quyết mâu thuẫn. Song chị Th đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, còn anh T không đến tham gia phiên hòa giải, không có bất kỳ phương pháp nào để níu kéo tình cảm, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, không có thiện chí hòa giải, mâu thuẫn giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung là Cấn Thị Khánh V, sinh ngày 03/5/2007 và Cấn Tất T1, sinh ngày 11/01/2009.

Chị Th có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Anh T1 không đến Tòa án làm việc theo giấy báo, không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con. Mặc dù cháu V có nguyện vọng được ở với bố, tuy nhiên xét thấy cháu V là nữ, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu và không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu T nên giao cả hai cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản, công sức nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm về vấn đề tài sản, công nợ. Do vậy, khi nào chị Th, anh T có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

**[3] Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

**1. Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Cấn Tất T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Cấn Thị Khánh V, sinh ngày 03/5/2007 và Cấn Tất T1, sinh ngày 11/01/2009 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Tiến đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Tiến có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

**2. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồ*ng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lại thu số AA/2020/0025727 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cấn Tất T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ngọc Yên**

**Nơi nhận:**
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã PX;
- Những người tham gia tố tụng.